

Số: 398/DHG-IR

Cần Thơ, ngày 23 tháng 07 năm 2015

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

(6 tháng đầu năm 2015)

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp HCM

- Tên công ty đại chúng: Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang
- Địa chỉ trụ sở chính: 288 Bis Nguyễn Văn Cừ, P. An Hòa, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
- Điện thoại: 07103 891433 Fax: 07103 895209
- Email: dhgpharma@dhgpharma.com.vn
- Vốn điều lệ: 871.643.300.000 đồng
- Mã chứng khoán: DHG

I. Hoạt động của Hội đồng quản trị (6 tháng đầu năm 2015):**1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:**

| Stt | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ | Lý do không tham dự |
|-----|--------------------------|---------------------------------|---------------------|-------|---------------------|
| 1. | Ông Hoàng Nguyên Học | Chủ tịch | 8/8 | 100% | |
| 2. | Ông Lê Đình Bửu Trí | Phó Chủ tịch | 8/8 | | |
| 3. | Bà Phạm Thị Việt Nga | Thành viên Tổng Giám đốc | 8/8 | 100% | |
| 4. | Ông Đoàn Đình Duy Khương | Thành viên Phó Tổng Giám đốc | 8/8 | 100% | |
| 5. | Bà Đặng Phạm Minh Loan | Thành viên | 8/8 | 100% | |
| 6. | Ông Trần Chí Liêm | Thành viên | 8/8 | 100% | |
| 7. | Ông Shuhei Tabata | Thành viên | 8/8 | 100% | |

Mời họp:

- Ông Trần Quốc Hưng – Trưởng Ban Kiểm soát
- Bà Nguyễn Phương Thảo – Thành viên Ban Kiểm soát
- Ông Đinh Đức Minh – Thành viên Ban Kiểm soát
- Ông Lê Chánh Đạo – Phó Tổng Giám đốc
- Bà Nguyễn Ngọc Diệp – Phó Tổng Giám đốc

2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc:

Hoạt động giám sát và hỗ trợ của HĐQT đối với Ban TGD gồm:

- Theo dõi việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Biên bản và Nghị quyết của Hội đồng quản trị;

- Đánh giá và góp ý các hoạt động trong công tác điều hành về các mặt: đầu tư, tài chính, thị trường, bán hàng, nguồn nhân lực, sản xuất, chất lượng.

3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

a. Tiểu ban chiến lược:

Báo cáo tình hình thực hiện chiến lược

- Nâng cao giá trị thương hiệu, mở rộng thị phần, xuất khẩu, khai thác lợi thế hệ thống phân phối: Các giải thưởng và danh hiệu nhận được; tăng trưởng doanh thu; thị phần và tăng trưởng so với ngành; đầu tư nhân hàng; nâng cao chất lượng khách hàng; nâng cao sự thỏa mãn khách hàng; giữ tỷ trọng hệ điều trị; tái cấu trúc hệ thống bán hàng; doanh thu xuất khẩu; khai thác lợi thế hệ thống phân phối.
- Tối đa hóa năng lực và hiệu quả sản xuất, chất lượng, nghiên cứu: tăng năng suất lao động; tăng tỷ lệ tự động hóa; nâng cao chất lượng sản phẩm; nâng cao tiêu chuẩn nhà máy; cải tiến sản phẩm; nghiên cứu sản phẩm mới, sản phẩm khác biệt, hàm lượng khoa học kỹ thuật cao.
- Tối đa hóa năng lực và quản trị doanh nghiệp, quản trị tài chính và chuỗi cung ứng.
- Mở rộng hợp tác đầu tư theo hướng đa dạng hóa đồng tâm: Các đối tác đã làm việc trong 6 tháng/2015 và Kế hoạch Quý 3/2015
- Trách nhiệm xã hội và môi trường: thực hiện nhiều chương trình hướng đến cộng đồng 6 tháng đầu năm 2015.

b. Tiểu ban kiểm toán, quản trị rủi ro

- Thực hiện Báo cáo tài chính 2014, phối hợp với Công ty Kiểm toán PwC hoàn thiện Báo cáo kiểm toán 2014.
- Thực hiện tập huấn chế độ kế toán doanh nghiệp theo thông tư 200 cho hệ thống kế toán. Triển khai việc thực hiện áp dụng hạch toán kế toán theo thông tư 200 cho toàn hệ thống
- Báo cáo kết quả thực hiện doanh thu và lợi nhuận so với cùng kỳ và so với kế hoạch
- Báo cáo về tình hình đầu tư 6 tháng/2015
- Báo cáo tình hình thực hiện góp ý thư quản lý của PwC (2014)

c. Tiểu ban nhân sự và đãi ngộ

- Tổng số lao động đến 30/06/2015: 2.941 (bao gồm các công ty con)
- Tiếp tục phối hợp với EY để triển khai Dự án Quản trị nguồn nhân lực (hợp phần xây dựng mô tả công việc và chỉ tiêu đánh giá hiệu quả công việc cho các vị trí chủ chốt; hướng dẫn các phần việc này cho cấp trưởng phòng để thiết lập cho cấp nhân viên).
- Điều chỉnh các chính sách lương thưởng trong khối kinh doanh nhằm động viên khích lệ nhân viên bán hàng trong tình hình kinh doanh nhiều thách thức.
- Thực hiện khám sức khỏe định kỳ năm 2015 cho người lao động.

- Phát động phong trào thi đua “Một tháng hiệu quả, 30 ngày không sai lỗi” nhằm tạo khí thế thi đua tăng hiệu quả kinh doanh, tiết giảm chi phí.

II. Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị (6 tháng đầu năm 2015)

Trong 6 tháng đầu năm 2015, HĐQT đã tiến hành 03 cuộc họp trực tiếp và 05 cuộc họp thông qua hình thức gửi thư xin ý kiến để giải quyết các vấn đề thuộc chức năng, thẩm quyền của HĐQT. Ban hành 08 nghị quyết định và 32 quyết định.

| STT | Số Nghị quyết | Ngày ban hành | Nội dung Nghị quyết |
|-----|----------------------|---------------|--|
| 1 | 001/2015/ NQ.HĐQT | 19/01/2015 | <p>1. Thông qua Báo cáo của Thư ký HĐQT; Báo cáo đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tình hình sử dụng Quỹ phát triển khoa học công nghệ năm 2014; Báo cáo của các tiểu ban năm 2014; Báo cáo công việc của Phó Chủ tịch HĐQT chuyên trách; Lịch hợp dự kiến năm 2015 của HĐQT; Kế hoạch tổ chức ĐHCĐ thường niên 2015 và phân công soạn thảo tài liệu.</p> <p>2. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý tài chính của Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang.</p> <p>3. Thông qua việc Thay đổi cơ cấu phòng ban Khối Tài chính/Kế toán/IR.</p> <p>4. Thông qua việc phân quyền phê duyệt đối với các giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các Công ty con.</p> <p>5. Thông qua dự án đầu tư sửa chữa và cải tạo Xưởng chế biến Dược liệu, thay đổi HĐTV Công ty con (HT Pharma), chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Chi nhánh Gia Lai, quy định hạn mức ngân quỹ, phê duyệt hạn mức tín dụng và các nội dung khác.</p> |
| 2. | 002/2015/ NQ.HĐQT | 01/03/2015 | 1. Thông qua vấn đề liên quan đến nhân sự thuộc thẩm quyền HĐQT. |
| 3. | 003/2015/ NQ.HĐQT | 20/03/2015 | 1. Thông qua việc bổ sung, sửa đổi Quy chế mua sắm và sửa chữa tài sản, quy chế sử dụng Quỹ Thù lao và tiền thưởng của HĐQT, BKS Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các nội dung khác. |
| 4. | 004/2015/ NQ.HĐQT | 27/03/2015 | <p>1. Thông qua việc thành lập Ban Tổ chức ĐHCĐ thường niên 2014 của DHG Pharma.</p> <p>2. Thống nhất thời gian, địa điểm tổ chức và nội dung bộ tài liệu dự kiến trình ĐHCĐ thường niên 2014 của DHG Pharma.</p> <p>3. Thống nhất các nội dung liên quan đến ĐHCĐ thường niên 2014 của SH Pharma theo ý kiến của người đại diện vốn.</p> <p>4. Thông qua chủ trương: tạm ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh DHG Nature, chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại 152 Nguyễn An Ninh, Quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Chi nhánh Đà Nẵng và các nội dung khác.</p> |
| 5. | 005/2015/ NQ.HĐQT | 17/04/2015 | Thông qua tờ trình 004, thay thế tờ trình 002 về việc sửa đổi, bổ sung điều lệ và thay đổi nội dung dự thảo nghị quyết ĐHCĐ thường niên 2014 Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang. |

01508
CÔNG TY
CỔ PHẦN
DƯỢC HẬU GIANG
HỒ CHÍ MINH
ĐƯỜNG
LÊ VĂN KIỆM
QUẬN 5 - TP. HCM

| STT | Số Nghị quyết | Ngày ban hành | Nội dung Nghị quyết |
|-----|----------------------|---------------|---|
| 6. | 006/2015/ NQ.HĐQT | 20/04/2015 | <ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua Báo cáo của Thư ký HĐQT; Báo cáo đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo của các tiểu ban về các hoạt động quý 1/2015, kế hoạch quý 2/2015. 2. Thống nhất đề xuất của Ban kiểm soát về việc chọn Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam (PwC) là đơn vị kiểm toán độc lập BCTC năm 2015 của Công ty và các Công ty con của DHG Pharma. 2. Thông qua việc thay đổi chủ trương đầu tư hệ thống máy in cho DHG PP1. 3. Thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2014 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2015 của các Công ty con 100% vốn DHG Pharma. 4. Thông qua việc nhận chuyển nhượng đất tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang tại Đà Nẵng. 5. Thông qua mức chi tiêu và kế hoạch chi tiêu Quý thu lao và tiền thưởng của HĐQT, BKS. |
| 7. | 007/2015/ NQ.HĐQT | 08/06/2015 | <ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua phương án mua cổ phiếu công ty Cổ phần Dược Hậu Giang làm cổ phiếu quỹ. 2. Thông qua chủ trương giải thể Công ty con 100% vốn DHG Pharma – Công ty TNHH MTV Dược liệu DHG (DHG Nature). |
| 8. | 008/2015/ NQ.HĐQT | 22/06/2015 | <ol style="list-style-type: none"> 1. Bổ sung ngành nghề kinh doanh của TOT Pharma – Công ty con 100% vốn DHG Pharma. Sản xuất nước tinh khiết đóng chai. 2. Thay đổi người đại diện theo ủy quyền, thành viên HĐQT, người đại diện theo pháp luật, Giám đốc Công ty con 100% DHG Pharma tại VL Pharma, DT Pharma, B&T Pharma. 3. Thông qua việc sửa đổi Điều 3 quyết định số 006/2015/QĐ.HĐQT ngày 19/01/2015 của HĐQT về việc phê duyệt hạn mức vay ngân hàng năm 2015. 4. Nhất trí thông qua các nội dung liên quan đến ĐHCĐ thường niên 2015 của Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hào ngày 22/06/2015. |

III. Thay đổi danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán (Báo cáo 6 tháng đầu năm 2015):

| STT | Tên cá nhân/Tổ chức | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND/ĐKKD | Ngày cấp CMND/ĐKKD | Nơi cấp CMND/ĐKKD | Địa chỉ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do |
|-----|---|--|---------------------------------|--------------|--------------------|-------------------|---------|---|---|---------------------|
| 1 | Công ty TNHH MTV Dược Liệu DHG (DHG Nature) | | Công ty con 100% vốn DHG Pharma | | | | | 25/08/2008 | 08/06/2015 | DHG Nature giải thể |

IV. Giao dịch của cổ đông nội bộ và người liên quan (6 tháng đầu năm 2015)

1. Danh sách cổ đông nội bộ và người có liên quan: (Phụ lục đính kèm)

2. Giao dịch cổ phiếu: Không có

3. Các giao dịch khác:

- Giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn:

| STT | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với cổ đông lớn | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ | | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) |
|-----|--|-------------------------|---------------------------|-------|----------------------------|-------|--|
| | | | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | |
| 1. | FTIF - Templeton Frontier Markets Fund | | 8.106.061 | 9,30% | 8.225.353 | 9,44% | Đầu tư |

(Ghi chú: Số lượng cổ phiếu sở hữu chốt theo danh sách chia cổ tức tỷ lệ 30% ngày chốt danh sách 12/5/2015)

- Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

V. Các vấn đề cần lưu ý khác: Không có.

Nơi nhận:
Như trên;
Lưu: AT, IR



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoàng Nguyên Học

Phụ lục : Danh sách cổ đông nội bộ và người có liên quan**A. Danh sách cổ đông nội bộ**

| STT | Tên cá nhân/Tổ chức | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND/ĐKKD | Ngày cấp CMND/ĐKKD | Nơi cấp CMND/ĐKKD | Địa chỉ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|--|----------------------|--|---------------------------------------|--------------|--------------------|-------------------|---------|----------------------------|-------------------------------|---|
| I. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | | | | | | | | | | |
| 1 | Hoàng Nguyên Học | | Chủ tịch HĐQT | | | | | 15,100,330 | 17.32% | Cá nhân sở hữu: 0 CP; Đại diện SCIC: 15.100.330 CP |
| 2 | Lê Đình Bửu Trí | | Phó Chủ tịch HĐQT | | | | | 11,354,848 | 13.03% | Cá nhân sở hữu: 29.600 CP; Đại diện SCIC: 11.325.248 CP |
| 3 | Phạm Thị Việt Nga | | Thành viên HĐQT | | | | | 201,825 | 0.23% | |
| 4 | Đoàn Đình Duy Khương | | Thành viên HĐQT | | | | | 11,343,325 | 13.01% | Cá nhân sở hữu: 18.078 CP; Đại diện SCIC: 11.325.247 CP |
| 5 | Đặng Phạm Minh Loan | | Thành viên HĐQT | | | | | - | 0.00% | |
| 6 | Trần Chí Liêm | | Thành viên HĐQT | | | | | - | 0.00% | |
| 7 | Shuhei Tabata | | Thành viên HĐQT | | | | | - | 0.00% | |
| II. Ban Tổng Giám đốc | | | | | | | | | | |
| 1 | Phạm Thị Việt Nga | | Tổng Giám đốc | | | | | 201,825 | 0.23% | |
| 2 | Đoàn Đình Duy Khương | | Phó Tổng Giám đốc | | | | | 11,343,325 | 13.01% | Cá nhân sở hữu: 18.078 CP; Đại diện SCIC: 11.325.247 CP |
| 3 | Lê Chánh Đạo | | Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính | | | | | 81,558 | 0.09% | |
| 4 | Nguyễn Ngọc Diệp | | Phó Tổng Giám đốc | | | | | 4,912 | 0.01% | |
| III. THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT | | | | | | | | | | |
| 1 | Trần Quốc Hưng | | Trưởng Ban Kiểm soát | | | | | 18,453 | 0.02% | |
| 2 | Nguyễn Phương Thảo | | Thành viên BKS | | | | | - | 0.00% | |

| | | | | | | | | | | |
|---|-----------------------|--|---|--|--|--|--|-------|-------|--|
| 3 | Đình Đức Minh | | Thành viên BKS | | | | | 13 | 0.00% | |
| IV. KẾ TOÁN TRƯỞNG | | | | | | | | | | |
| 1 | Đặng Phạm Huyền Nhung | | Kế toán trưởng | | | | | 4,221 | 0.00% | |
| V. Người được ủy quyền công bố thông tin | | | | | | | | | | |
| 1 | Lê Thị Hồng Nhung | | Trưởng Ban Quan hệ Nhà đầu tư - Thư ký HĐQT | | | | | 4,864 | 0.01% | |

B. Danh sách người liên quan cổ đông nội bộ

| STT | Tên cá nhân/Tổ chức | Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại Công ty | Số CMND/ ĐKKD/CNĐ T | Ngày cấp CMND/ ĐKKD | Nơi cấp CMND/ ĐKKD | Địa chỉ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|--|--|--|------------------------|---------------------------|---------------------------|--------------------------|---------|----------------------------------|-------------------------------------|---|
| I- Cá Nhân | | | | | | | | | | |
| 1 | Hoàng Nguyên Học | | Chủ tịch HĐQT | | | | | 15,100,330 | 17.32% | Cá nhân sở hữu: 0 CP; Đại diện SCIC: 15.100.330 CP |
| Tổ chức có liên quan của Ông Hoàng Nguyên Học | | | | | | | | | | |
| 1.1 | Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) | | Phó Tổng Giám đốc | | | | | 37,750,825 | 43.31% | |
| 1.2 | Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam | | Thành viên HĐQT | | | | | - | | |
| Cá nhân có liên quan | | | | | | | | | | |
| 1.1 | Nguyễn Thị Bạch Hương | | Vợ | | | | | | | |
| 1.2 | Hoàng Diệu Linh | | Con | | | | | | | |
| 1.3 | Hoàng Bạch Liên | | Con | | | | | | | |
| 1.4 | Hà Thị Hiền | | Mẹ | | | | | | | |
| 1.5 | Hoàng Thị Hạ | | Em ruột | | | | | | | |
| 1.6 | Hoàng Nguyên Hòa | | Em ruột | | | | | | | |
| 1.7 | Hoàng Thị Hoa | | Em ruột | | | | | | | |
| 1.8 | Hoàng Nguyên Hiến | | Em ruột | | | | | | | |

| | | | | | | | | | | |
|---|-----------------|--|-------------------|--|--|--|--|------------|--------|---|
| 2 | Lê Đình Bửu Trí | | Phó Chủ tịch HĐQT | | | | | 11,354,848 | 13.03% | Cá nhân sở hữu: 29.600 CP; Đại diện SCIC: 11.325.248 CP |
|---|-----------------|--|-------------------|--|--|--|--|------------|--------|---|

Tổ chức có liên quan

| | | | | | | | | | | |
|-----|---|--|--------------------------------|--|--|--|--|------------|--------|--|
| 2.1 | Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) | | Giám đốc CN KV Phía Nam - SCIC | | | | | 37,750,825 | 43.31% | |
| 2.2 | Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng KCN Tây Ninh | | Chủ tịch HĐQT | | | | | | | |
| 2.3 | Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Thăng Long | | Chủ tịch HĐQT | | | | | | | |

Cá nhân có liên quan

| | | | | | | | | | | |
|-----|------------------------|--|--------------------------------|--|--|--|--|---------|-------|--|
| 2.1 | Trương Thị Ngọc Anh | | Mẹ ruột | | | | | - | | |
| 2.2 | Nguyễn Thị Hoàng Quyên | | Vợ | | | | | - | | |
| 2.3 | Lê Đình Trí Đức | | Con ruột | | | | | - | | |
| 2.4 | Lê Kim Vân Anh | | Chị ruột | | | | | - | | |
| 2.5 | Lê Đình Bửu Triển | | Em ruột | | | | | - | | |
| 2.6 | Lê Đình Bửu Trung | | Em ruột | | | | | - | | |
| 3 | Phạm Thị Việt Nga | | Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc | | | | | 201,825 | 0.23% | |

Cá nhân có liên quan

| | | | | | | | | | | |
|-----|---------------------|--|----------|--|--|--|--|-------|-------|--|
| 3.1 | Bùi Thị Trâm | | Mẹ ruột | | | | | 0 | | |
| 3.2 | Huỳnh Thanh Nguyên | | Chồng | | | | | 0 | | |
| 3.3 | Phạm Việt Thắng | | Em ruột | | | | | 4,733 | 0.01% | |
| 3.4 | Phạm Việt Bắc | | Em ruột | | | | | 0 | | |
| 3.5 | Phạm Việt Hà | | Em ruột | | | | | 0 | | |
| 3.6 | Huỳnh Thị Quỳnh Anh | | Con ruột | | | | | 9,701 | 0.01% | |
| 3.7 | Huỳnh Tuấn Anh | | Con ruột | | | | | 0 | | |

| | | | | | | | | | | |
|---|----------------------|--|---|--|--|--|--|------------|--------|--|
| 4 | Đoàn Đình Duy Khương | | Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc | | | | | 11,343,325 | 13.01% | Cá nhân sở hữu: 18.078 CP; Đại diện SCIC: 11.325.247 CP |
|---|----------------------|--|---|--|--|--|--|------------|--------|--|

Cá nhân có liên quan

| | | | | | | | | | | |
|-----|----------------------|--|--------------------|--|--|--|--|-------|-------|--|
| 4.1 | Đoàn Vinh Quang | | Cha ruột | | | | | - | | |
| 4.2 | Nguyễn Thị Ngọc Diệp | | Mẹ ruột | | | | | - | | |
| 4.3 | Hà Thị Ánh Tuyết | | Vợ | | | | | - | | |
| 4.4 | Đoàn Đình Duy Nguyên | | Anh ruột | | | | | 520 | 0.00% | |
| 4.5 | Đoàn Đình Duy Đông | | Em ruột | | | | | - | | |
| 4.6 | Đoàn Đình Tuấn Huy | | Em ruột | | | | | 3,586 | 0.00% | |
| 4.7 | Đoàn Hà Anh | | Con ruột | | | | | - | | |
| 4.8 | Đoàn Vân Anh | | Con ruột | | | | | - | | |
| 5 | Đặng Phạm Minh Loan | | Thành viên HĐQT | | | | | | | |

Cá nhân có liên quan

| | | | | | | | | | | |
|-----|------------------------|--|----------|--|--|--|--|---|--|--|
| 5.1 | Đặng Thiệu Đĩnh | | Bố | | | | | 0 | | |
| 5.2 | Phạm Thị Giang | | Mẹ | | | | | 0 | | |
| 5.3 | Đặng Nam Bình Long | | Anh ruột | | | | | 0 | | |
| 5.4 | Đặng Phúc Tuấn | | Em ruột | | | | | 0 | | |
| 5.5 | Nguyễn Danh Quang | | Chồng | | | | | 0 | | |
| 5.6 | Nguyễn Danh Hoàng | | Con | | | | | 0 | | |
| 5.7 | Nguyễn Đặng Hoàng Loan | | Con | | | | | 0 | | |

Tổ chức có liên quan

| | | | | | | | | | | |
|-----|--|--|----------------------------------|--|--|--|--|-----------|-------|--|
| 5.1 | CTCP Hòa Phát | | Thành viên BKS | | | | | | | |
| 5.2 | CTCP Quốc Cường Gia Lai | | Thành viên HĐQT | | | | | | | |
| 5.3 | CTCP Cầu Tre | | Thành viên HĐQT | | | | | | | |
| 5.4 | CTCP Yến Việt | | Tổng Giám đốc | | | | | | | |
| 5.5 | Văn phòng đại diện VinaCapital Investment Management Ltd tại Tp HCM | | Phó Giám đốc điều hành | | | | | | | |
| 5.6 | PORTAL GLOBAL LIMITED | | Quỹ do VinaCapital Quản lý | | | | | 6,278,330 | 7.20% | |

| | | | | | | | | | |
|-----------------------------|-----------------------|--|---------------------------------------|--|--|--|--|--------|-------|
| 6 | Trần Chi Liêm | | Thành viên HĐQT | | | | | 0 | |
| Cá nhân có liên quan | | | | | | | | | |
| 6.1 | Lê thị xuân Mai | | Vợ | | | | | | |
| 6.2 | Trần Việt Hồng | | Con | | | | | | |
| 6.3 | Trần thị xuân Lan | | Con | | | | | | |
| 6.4 | Trần thị xuân Hoa | | Con | | | | | | |
| 6.5 | Trần chí Dũng | | Em ruột | | | | | | |
| 6.6 | Trần Thị Việt Triều | | Em ruột | | | | | | |
| 6.7 | Trần thị Ú | | Em ruột | | | | | | |
| 7 | Shuhei Tabata | | Thành viên HĐQT | | | | | 0 | |
| Cá nhân có liên quan | | | | | | | | | |
| 7.1 | Miyako Tabata | | Mẹ | | | | | 0 | |
| 7.2 | Emiko Tabata | | vợ | | | | | 0 | |
| 7.3 | Teppey Tabata | | con | | | | | 0 | |
| 7.4 | Shinpei Tabata | | con | | | | | 0 | |
| 7.5 | Akiko Tabata | | con | | | | | 0 | |
| 7.6 | Masako Ukai | | chị gái | | | | | 0 | |
| 8. | Lê Chánh Đạo | | Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính | | | | | 81,558 | 0.09% |
| 8.1 | Huỳnh Thị Xính | | Mẹ ruột | | | | | 0 | |
| 8.2 | Phùng Kim Phượng | | Vợ | | | | | 512 | 0.00% |
| 8.3 | Lê Đức Thắng | | Anh ruột | | | | | 0 | |
| 8.4 | Lê Văn Hữu | | Anh ruột | | | | | 0 | |
| 8.5 | Lê Thị Hiền Lương | | Em ruột | | | | | 0 | |
| 8.6 | Lê Thị Lương Hảo | | Em ruột | | | | | 0 | |
| 8.7 | Lê Kiến Quốc | | Em ruột | | | | | 0 | |
| 8.8 | Lê Khương Ninh | | Em ruột | | | | | 0 | |
| 8.9 | Lê Thị Mỹ Lương | | Em ruột | | | | | 0 | |
| 8.10 | Lê Trung Lương | | Em ruột | | | | | 0 | |
| 8.11 | Lê Phùng Phượng Anh | | Con ruột | | | | | 0 | |
| 8.12 | Lê Phùng Duy Anh | | Con ruột | | | | | 0 | |
| 9 | Nguyễn Ngọc Diệp | | Phó Tổng Giám đốc | | | | | 4,912 | 0.01% |
| 9.1 | Dương Thị Kim Tuyến | | Mẹ | | | | | 0 | |
| 9.2 | Nguyễn Kim Chi | | Chị | | | | | 0 | |
| 9.3 | Nguyễn Ngọc Bửu | | Em | | | | | 0 | |
| 9.4 | Nguyễn Văn Thuận | | Chồng | | | | | 0 | |
| 9.5 | Nguyễn Hoàng Khang | | Con | | | | | 0 | |
| 9.6 | Nguyễn Ngọc Kim Khánh | | Con | | | | | 0 | |

| | | | | | | | | | | |
|-------|------------------------------|--|---------------------------------|--|--|--|--|---------------|--------------|--|
| 10 | Trần Quốc Hưng | | Trưởng Ban Kiểm soát | | | | | 18,453 | | |
| 10.1 | Nguyễn Hồng Nhung | | Vợ | | | | | 5 | | |
| 10.2 | Trần Quốc Dũng | | Con ruột | | | | | | | |
| 10.3 | Trần Thị Thùy Dung | | Con ruột | | | | | | | |
| 10.4 | Phạm Thị Cấp | | Mẹ ruột | | | | | | | |
| 10.5 | Trần Quốc Châu | | Anh ruột | | | | | | | |
| 10.6 | Trần Thị Thu Hương | | Chị ruột | | | | | | | |
| 10.7 | Trần Quốc Hùng | | Em ruột | | | | | | | |
| 10.8 | Trần Thị Thu Hạnh | | Em ruột | | | | | | | |
| 10.9 | Trần Thị Tuyết Hoa | | Em ruột | | | | | | | |
| 11 | Nguyễn Phương Thảo | | Thành viên Ban Kiểm soát | | | | | - | | |
| 11.1 | Nguyễn Ninh Thực | | Bố ruột | | | | | | | |
| 11.2 | Trần Thu Thủy | | Mẹ ruột | | | | | | | |
| 11.3 | Nguyễn Quỳnh Trang | | Chị ruột | | | | | | | |
| 11.4 | Phan Hoàng Giang | | Chồng | | | | | | | |
| 11.5 | Nguyễn Đức Anh | | Con | | | | | | | |
| 11.6 | Phan Đăng Nhật Minh | | Con | | | | | | | |
| 12 | Ông Đinh Đức Minh | | Thành viên BKS | | | | | 13 | | |
| 12.1 | Trần Thị Tuyết Nga | | Mẹ | | | | | | | |
| 12.2 | Hồ Thị Thanh Phương | | Vợ | | | | | | | |
| 12.3 | Đinh Thị Bích Liễu | | Chị | | | | | | | |
| 12.4 | Đinh Phương Khánh | | Anh | | | | | | | |
| 13 | Đặng Phạm Huyền Nhung | | Kế toán trưởng | | | | | 4,221 | 0.00% | |
| 13.1 | Đặng Văn Còn | | Cha ruột | | | | | 0 | | |
| 13.2 | Đặng Thị Thu Huyền | | Chị ruột | | | | | 0 | | |
| 13.3 | Đặng Hương Huyền | | Chị ruột | | | | | 0 | | |
| 13.4 | Đặng Phạm Văn Tâm | | Em ruột | | | | | 0 | | |
| 13.5 | Đặng Phạm Thị Hạnh | | Em ruột | | | | | 0 | | |
| 13.6 | Đặng Phạm Khánh Hòa | | Em ruột | | | | | 0 | | |
| 13.7 | Đặng Phạm Phúc Hậu | | Em ruột | | | | | 696 | | |
| 13.8 | Trần Văn Tăng | | Chồng | | | | | 0 | | |
| 13.9 | Trần Đăng Khoa | | Con ruột | | | | | 0 | | |
| 13.10 | Trần Minh Khoa | | Con ruột | | | | | 0 | | |

| | | | | | | | | | | |
|------|-------------------|--|---|--|--|--|--|-------|-------|--|
| 14 | Lê Thị Hồng Nhung | | Trưởng Ban Quan hệ Nhà đầu tư - Thư ký HĐQT | | | | | 4,864 | 0.01% | |
| 14.1 | Lê Anh Tuấn | | Cha ruột | | | | | | | |
| 14.2 | Trần Thị Thêu | | Mẹ ruột | | | | | | | |
| 14.3 | Lê Hoàng Nam | | Chồng | | | | | 82 | | |
| 14.5 | Lê Thị Hồng Gấm | | Chị ruột | | | | | 600 | | |
| 14.6 | Lê Thị Hồng Vóc | | Chị ruột | | | | | | | |
| 14.7 | Lê Thị Thanh Bắc | | Chị ruột | | | | | | | |
| 14.8 | Lê Thu Hiền | | Em ruột | | | | | | | |
| 14.9 | Lê Nguyễn Hưng | | Con ruột | | | | | | | |

II. Tổ chức

| | | | | | | | | | | |
|---|----------------------------------|--|--|--|--|--|--|--|--|--------------------------------------|
| 1 | Công ty Cổ phần Dược Sông Hậu | | | | | | | | | Công ty con (DHG Pharma sở hữu 51%) |
| 2 | Công ty TNHH MTV DT Pharma | | | | | | | | | Công ty con (DHG Pharma sở hữu 100%) |
| 3 | Công ty TNHH MTV Du lịch DHG | | | | | | | | | Công ty con (DHG Pharma sở hữu 100%) |
| 4 | Công ty TNHH MTV Dược Phẩm HT | | | | | | | | | Công ty con (DHG Pharma sở hữu 100%) |
| 5 | Công ty TNHH MTV Dược Phẩm CM | | | | | | | | | Công ty con (DHG Pharma sở hữu 100%) |
| 6 | Công ty TNHH MTV In Bao Bì DHG 1 | | | | | | | | | Công ty con (DHG Pharma sở hữu 100%) |
| 7 | Công ty TNHH MTV A&G Pharma | | | | | | | | | Công ty con (DHG Pharma sở hữu 100%) |

| | | | | | | |
|----|---------------------------------|--|--|--|--|--|
| 8 | Công ty TNHH MTV Dược Phẩm ST | | | | | Công ty con (DHG Pharma sở hữu 100%) |
| 9 | Công ty TNHH MTV TOT Pharma | | | | | Công ty con (DHG Pharma sở hữu 100%) |
| 10 | Công ty TNHH MTV TG Pharma | | | | | Công ty con (DHG Pharma sở hữu 100%) |
| 11 | Công ty TNHH MTV Dược phẩm Bali | | | | | Công ty con (DHG Pharma sở hữu 100%) |
| 12 | Công ty TNHH MTV Dược Phẩm DHG | | | | | Công ty con (DHG Pharma sở hữu 100%) |
| 13 | Công ty TNHH MTV Dược Phẩm B&T | | | | | Công ty con (DHG Pharma sở hữu 100%) |
| 14 | Công ty TNHH MTV VL Pharma | | | | | Công ty con (DHG Pharma sở hữu 100%) |
| 15 | Công ty TNHH MTV TVP Pharma | | | | | Công ty con (DHG Pharma sở hữu 100%) |
| 16 | Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo | | | | | Công ty liên kết (DHG Pharma sở hữu 31,6%) |